



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG ANH

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẠC 3 ĐẾN BẠC 5
THEO KNLNN 6 BẠC DÀNH CHO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THI SÁNG NGÀY 10/01/2026

PHÒNG THI: 01

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh
1	TN.101-001	Phạm Thị Lan Anh	Nữ	01/07/2003	Bắc Ninh
2	TN.101-002	Hà Thị Ngọc Anh	Nữ	14/11/2004	Tuyên Quang
3	TN.101-003	Lê Thị Lan Anh	Nữ	22/06/2004	Tuyên Quang
4	TN.101-004	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	08/03/2002	Hà Nội
5	TN.101-005	Ma Thị Tú Anh	Nữ	04/01/2004	Tuyên Quang
6	TN.101-006	Bùi Thị Ánh	Nữ	20/02/2001	Phú Thọ
7	TN.101-007	Trần Thị Ngọc Ánh	Nữ	13/08/2003	Ninh Bình
8	TN.101-008	Lương Thị Tuyết Bạch	Nữ	05/07/2004	Tuyên Quang
9	TN.101-009	Hầu Thị Bích	Nữ	10/04/2003	Tuyên Quang
10	TN.101-010	Chu Thị Kim Cúc	Nữ	09/08/2003	Thái Nguyên
11	TN.101-011	Nguyễn Hữu Cường	Nam	13/10/2003	Đồng Nai
12	TN.101-012	Cà Văn Cường	Nam	16/04/2004	Sơn La
13	TN.101-013	Vũ Thị Kim Chi	Nữ	24/01/2004	Tuyên Quang
14	TN.101-014	Triệu Quỳnh Chi	Nữ	28/01/2004	Hải Phòng
15	TN.101-015	Vũ Khánh Chi	Nữ	10/11/2003	Ninh Bình
16	TN.101-016	Nguyễn Thị Chinh	Nữ	22/08/2003	Thái Nguyên
17	TN.101-017	Bàn Thị Dân	Nữ	10/12/2004	Tuyên Quang
18	TN.101-018	Nguyễn Phương Diên	Nữ	21/08/2004	Phú Thọ
19	TN.101-019	Vy Ngọc Diệp	Nữ	15/10/2003	Lạng Sơn
20	TN.101-020	Hà Hương Dịu	Nữ	10/03/2003	Thái Nguyên
21	TN.101-021	Nguyễn Văn Doanh	Nam	12/08/1994	Phú Thọ
22	TN.101-022	Nguyễn Ngọc Dũng	Nam	26/02/2004	Tuyên Quang
23	TN.101-023	Vũ Chí Dũng	Nam	16/10/2003	Phú Thọ
24	TN.101-024	Phan Nguyễn Khánh Duy	Nam	01/03/2003	Hà Tĩnh
25	TN.101-025	Lê Văn Duy	Nam	24/07/2002	Phú Thọ
26	TN.101-026	Vũ Khương Duy	Nam	19/02/2000	Hung Yên
27	TN.101-027	Đặng Thị Duyên	Nữ	26/02/2002	Ninh Bình
28	TN.101-028	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Nữ	10/04/2004	Thanh Hoá
29	TN.101-029	Nguyễn Thị Thu Duyên	Nữ	17/10/2004	Nam định
30	TN.101-030	La Thành Đạt	Nam	18/10/2004	Tuyên Quang
31	TN.101-031	Mai Trung Đức	Nam	29/08/2004	Nam định
32	TN.101-032	Triệu Minh Đức	Nam	13/03/2004	Tuyên Quang
33	TN.101-033	Nguyễn Hoàng Hương Giang	Nữ	07/10/2004	Tuyên quang
34	TN.101-034	Nguyễn Thị Hương Giang	Nữ	02/04/2004	Phú Thọ
35	TN.101-035	Nguyễn Hương Giang	Nữ	13/12/2004	Tuyên Quang
36	TN.101-036	Lâm Hoàng Giang	Nữ	15/02/2000	Thái Nguyên
37	TN.101-037	Trần Thị Thu Hà	Nữ	03/09/2002	Hung Yên

Ấn định danh sách có 37 thí sinh.



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG ANH

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 ĐẾN BẬC 5
THEO KNLLN 6 BẬC DÀNH CHO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THI SÁNG NGÀY 10/01/2026

PHÒNG THI: 02

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh
1	TN.101-038	Nguyễn Thị Hiền Hà	Nữ	05/08/2004	Hung Yên
2	TN.101-039	Quảng Ngọc Hà	Nam	20/09/2004	Điện Biên
3	TN.101-040	Lò Duy Hải	Nam	21/06/2004	Điện Biên
4	TN.101-041	Đào Thị Hạnh	Nữ	04/05/2004	Tuyên Quang
5	TN.101-042	Dương Thị Hằng	Nữ	02/06/2004	Thái Nguyên
6	TN.101-043	Nguyễn Thị Hoài Hậu	Nữ	13/06/2004	Tuyên Quang
7	TN.101-044	Hoàng Thị Hậu	Nữ	27/02/2004	Tuyên Quang
8	TN.101-045	Trương Thị Thu Hiền	Nữ	18/08/2004	Tuyên Quang
9	TN.101-046	Cao Văn Hiếu	Nam	28/07/2003	Lào Cai
10	TN.101-047	Nguyễn Huy Hiếu	Nam	09/05/2007	Điện Biên
11	TN.101-048	Quan Quỳnh Hiếu	Nữ	27/10/2004	Tuyên Quang
12	TN.101-049	Ma Thị Hoa	Nữ	22/06/2004	Tuyên Quang
13	TN.101-050	Hoàng Thị Hoa	Nữ	16/12/2004	Tuyên Quang
14	TN.101-051	Phạm Quang Hoà	Nam	15/05/2003	Đồng Nai
15	TN.101-052	Nguyễn La Hoài	Nữ	28/04/2005	Tuyên Quang
16	TN.101-053	Hà Huy Hoàng	Nam	11/02/2002	Lào Cai
17	TN.101-054	Triệu Mùi Hồng	Nữ	28/01/2004	Tuyên Quang
18	TN.101-055	Phạm Mai Huê	Nữ	17/12/2004	Tuyên Quang
19	TN.101-056	Lê Thị Huệ	Nữ	14/11/2005	Thanh Hoá
20	TN.101-057	Nguyễn Lâm Hùng	Nam	01/04/2007	Ninh Bình
21	TN.101-058	Nguyễn Quốc Huy	Nam	27/10/2004	Tuyên Quang
22	TN.101-059	Lê Quốc Huy	Nam	06/04/2004	Tuyên Quang
23	TN.101-060	Trương Khánh Huyền	Nữ	14/08/2007	Thái Nguyên
24	TN.101-061	Nguyễn Thu Huyền	Nữ	13/03/2004	Tuyên Quang
25	TN.101-062	Quan Thị Ngọc Huyền	Nữ	16/01/2004	Tuyên Quang
26	TN.101-063	Vũ Thị Thu Huyền	Nữ	24/08/2005	Tuyên Quang
27	TN.101-064	Trần Thu Huyền	Nữ	18/11/2004	Tuyên Quang
28	TN.101-065	Tạ Lan Hương	Nữ	20/03/2005	Hung Yên
29	TN.101-066	Đỗ Mai Hường	Nữ	23/10/2003	Bắc giang
30	TN.101-067	Hoàng Thị Mỹ Lệ	Nữ	17/04/2004	Ninh Bình
31	TN.101-068	Nguyễn Nhật Lệ	Nữ	31/03/1999	Tuyên Quang
32	TN.101-069	Nguyễn Thuý Liên	Nữ	28/08/2002	Tuyên Quang
33	TN.101-070	Phan Thùy Liên	Nữ	01/01/2003	Hung Yên
34	TN.101-071	Bàn Thu Liễu	Nữ	30/04/2002	Tuyên Quang
35	TN.101-072	Tô Thị Linh	Nữ	12/10/1997	Tuyên Quang
36	TN.101-073	Nguyễn Diệp Linh	Nữ	02/06/2003	Tuyên Quang
37	TN.101-074	Lê Thị Thảo Linh	Nữ	11/09/2002	Thanh Hoá

Ấn định danh sách có 37 thí sinh.



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG ANH

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẠC 3 ĐẾN BẠC 5
THEO KNLNN 6 BẠC DÀNH CHO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THI SÁNG NGÀY 10/01/2026

PHÒNG THI: 03

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh
1	TN.101-075	Nguyễn Phương Linh	Nữ	08/04/2004	Tỉnh sơn la
2	TN.101-076	Trần Thị Ngọc Linh	Nữ	26/12/2004	Tuyên Quang
3	TN.101-077	Đinh Diệu Linh	Nữ	03/07/2004	Hà Nội
4	TN.101-078	Nguyễn Hoàng Yến Linh	Nữ	06/01/2003	Hưng Yên
5	TN.101-079	Nguyễn Phương Linh	Nữ	08/04/2004	Sơn La
6	TN.101-080	Hoàng Thị Diệu Linh	Nữ	19/06/2002	Bắc Ninh
7	TN.101-081	Nguyễn Chu Linh	Nam	06/05/1998	Thái Nguyên
8	TN.101-082	Nguyễn Thuỳ Linh	Nữ	10/11/2003	Thái Nguyên
9	TN.101-083	Luân Thị Hồng Lĩnh	Nữ	16/10/2003	Bắc Ninh
10	TN.101-084	Lộc Thị Phương Linh	Nữ	29/02/2004	Tuyên Quang
11	TN.101-085	Tạ Thị Phương Loan	Nữ	07/04/2001	Thái Nguyên
12	TN.101-086	Đặng Phi Long	Nam	13/07/2004	Sơn La
13	TN.101-087	Ngô Duy Phi Long	Nam	03/11/1988	Bắc Ninh
14	TN.101-088	Hoàng Văn Lương	Nam	30/12/2004	Tuyên Quang
15	TN.101-089	Phạm Thị Cẩm Ly	Nữ	29/05/2003	Tuyên Quang
16	TN.101-090	Cút Thị Thanh Mai	Nữ	16/04/2002	Sơn la
17	TN.101-091	Nguyễn Thị Phương Mai	Nữ	10/11/2003	Thanh Hoá
18	TN.101-092	Mùi Văn Mừng	Nam	16/01/2004	Sơn La
19	TN.101-093	Nguyễn Ngọc Mỹ	Nữ	20/02/2003	Hà Nội
20	TN.101-094	Bùi Thị Na	Nữ	17/07/2002	Thanh Hoá
21	TN.101-095	Quan Thị Nụ	Nữ	21/11/2004	Tuyên Quang
22	TN.101-096	Trần Thuý Nga	Nữ	26/05/2003	Ninh Bình
23	TN.101-097	Hoàng Thanh Ngân	Nữ	30/11/2003	Thái Nguyên
24	TN.101-098	Nguyễn Ngọc Bảo Ngân	Nữ	25/06/2003	Hưng Yên
25	TN.101-099	Lê Kim Ngân	Nữ	09/08/2004	Cao Bằng
26	TN.101-100	Nguyễn Mai Ngọc	Nữ	27/07/2007	Phú Thọ
27	TN.101-101	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Nữ	27/08/2005	Tuyên Quang
28	TN.101-102	Lại Minh Ngọc	Nữ	29/07/2004	Tuyên Quang
29	TN.101-103	Nguyễn Hồng Ngọc	Nữ	08/10/2004	Ninh Bình
30	TN.101-104	Bùi Thị Minh Nguyệt	Nữ	05/01/2004	Tuyên Quang
31	TN.101-105	Nguyễn Hải Nhi	Nữ	29/01/2000	Thái Nguyên
32	TN.101-106	Nông Yến Nhi	Nữ	20/11/2004	Tuyên Quang
33	TN.101-107	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	09/01/2004	Lào Cai
34	TN.101-108	Ngô Thị Hồng Nhung	Nữ	10/01/2004	Tuyên Quang
35	TN.101-109	Đinh Thị Hồng Nhung	Nữ	13/03/2004	Phú Thọ
36	TN.101-110	Cao Hồng Nhung	Nữ	06/01/2003	Phú Thọ
37	TN.101-111	Đỗ Hồng Nhung	Nữ	21/10/2004	Ninh Bình

Ấn định danh sách có 37 thí sinh.



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG ANH

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 ĐẾN BẬC 5
THEO KNLNN 6 BẬC DÀNH CHO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THI SÁNG NGÀY 10/01/2026

PHÒNG THI: 04

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh
1	TN.101-112	Sân Thị Oanh	Nữ	04/12/2002	Lào Cai
2	TN.101-113	Lâm Kiều Oanh	Nữ	05/01/2004	Tuyên quang
3	TN.101-114	Hoàng Phương Oanh	Nữ	28/11/2003	Thái Nguyên
4	TN.101-115	Nguyễn Thị Kim Oanh	Nữ	08/01/2004	Hà Nội
5	TN.101-116	Mông Thị Phòng	Nữ	16/08/2003	Lạng Sơn
6	TN.101-117	Nguyễn Công Phúc	Nam	28/01/2002	Thái Nguyên
7	TN.101-118	Hoàng Thị Thanh Quyên	Nữ	09/06/2004	Tuyên Quang
8	TN.101-119	Trần Thị Như Quỳnh	Nữ	01/07/2003	Hưng Yên
9	TN.101-120	Đặng Như Quỳnh	Nữ	10/06/2004	Thái Nguyên
10	TN.101-121	Nguyễn Thị Quỳnh	Nữ	30/06/2003	Thanh Hoá
11	TN.101-122	Phạm Thị Diễm Quỳnh	Nữ	31/03/2004	Ninh Bình
12	TN.101-123	Bàn Thị Sâm	Nữ	18/07/2004	Tuyên Quang
13	TN.101-124	Phản Mùi Sâu	Nữ	24/08/2004	Tuyên Quang
14	TN.101-125	Nguyễn Thị Hoa Sen	Nữ	04/06/2002	Gia Lai
15	TN.101-126	Phùng Thị Tiên	Nữ	18/08/2004	Tuyên Quang
16	TN.101-127	Hồ Thị Sinh	Nữ	14/01/2005	Sơn La
17	TN.101-128	Hoàng Thị Tài	Nữ	19/10/2003	Đà Nẵng
18	TN.101-129	Phạm Hà Thùy Tiên	Nữ	10/11/2005	Tuyên Quang
19	TN.101-130	Nguyễn Việt Tiến	Nam	10/09/2006	Sơn La
20	TN.101-131	Phạm Thị Cẩm Tú	Nữ	27/10/2003	Nam Định
21	TN.101-132	Nguyễn Đức Tuấn	Nam	01/04/2005	Bắc Ninh
22	TN.101-133	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	03/02/2003	Tuyên Quang
23	TN.101-134	Lê Anh Tuấn	Nam	27/07/2001	Cao Bằng
24	TN.101-135	Hoàng Thị Tuyết	Nữ	14/10/2004	Tuyên Quang
25	TN.101-136	Phạm Thị Thảo	Nữ	06/01/2002	Hải Phòng
26	TN.101-137	Lương Phương Thảo	Nữ	16/09/2004	Tuyên Quang
27	TN.101-138	Nguyễn Thanh Thảo	Nữ	12/09/2004	Hưng Yên
28	TN.101-139	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	10/07/2005	Tuyên Quang
29	TN.101-140	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Nữ	12/10/2004	Ninh Bình
30	TN.101-141	Lương Thị Phương Thảo	Nữ	27/06/2004	Thái Nguyên
31	TN.101-142	Vũ Liên Thảo	Nữ	28/11/2004	Tuyên Quang
32	TN.101-143	Trần Thị Thảo	Nữ	06/10/2004	Ninh Bình
33	TN.101-144	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	06/08/2004	Hà Tây
34	TN.101-145	Nguyễn Thị Hồng Thắm	Nữ	26/03/2003	Hà Tĩnh
35	TN.101-146	Bạch Đức Thắng	Nam	13/08/2003	Bắc Ninh
36	TN.101-147	Lương Việt Thắng	Nam	12/08/2004	Tuyên Quang
37	TN.101-148	Dương Hồng Thắng	Nam	04/03/1997	Cao Bằng
38	TN.101-149	Tô Văn Thông	Nam	17/07/1997	Bắc Ninh

Ấn định danh sách có 38 thí sinh.



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG ANH

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 ĐẾN BẬC 5
THEO KNLNN 6 BẬC DÀNH CHO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THI SÁNG NGÀY 10/01/2026

PHÒNG THI: 05

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh
1	TN.101-150	Nguyễn Thị Thu	Nữ	15/06/2002	Thanh Hoá
2	TN.101-151	Bùi Thị Thuỷ	Nữ	20/12/1991	Hải Phòng
3	TN.101-152	Nguyễn Thị Thu Thuỷ	Nữ	13/07/2004	Phú Thọ
4	TN.101-153	Chúc Thị Thanh Thuỷ	Nữ	23/11/2004	Tuyên Quang
5	TN.101-154	Hoàng Như Thuỷ	Nữ	07/09/2001	Lạng Sơn
6	TN.101-155	Nguyễn Thị Thùy	Nữ	01/12/2004	Thái Nguyên
7	TN.101-156	Trần Thị Phương Thúy	Nữ	06/12/2003	Ninh Bình
8	TN.101-157	Nguyễn Thị Thúy	Nữ	18/01/2004	Quảng Ninh
9	TN.101-158	Đàm Thị Thủy	Nữ	20/04/2002	Cao Bằng
10	TN.101-159	Nguyễn Thị Thư	Nữ	12/01/2003	Ninh Bình
11	TN.101-160	Nguyễn Hoàng Thư	Nữ	04/10/2004	Tuyên Quang
12	TN.101-161	Ma Văn Thước	Nam	03/09/2004	Tuyên Quang
13	TN.101-162	Bùi Thị Thương	Nữ	24/04/2004	Tuyên Quang
14	TN.101-163	Nguyễn Hoàng Thương	Nữ	04/10/2004	Tuyên Quang
15	TN.101-164	Nguyễn Thị Thương	Nữ	18/04/2004	Tuyên Quang
16	TN.101-165	Vũ Huyền Trang	Nữ	16/10/2003	Tuyên Quang
17	TN.101-166	Nguyễn Hà Trang	Nữ	27/05/2005	Tuyên Quang
18	TN.101-167	Nguyễn Thảo Trang	Nữ	15/01/2001	Ninh Bình
19	TN.101-168	Hà Quỳnh Trang	Nữ	03/04/2004	Lào Cai
20	TN.101-169	Trần Thu Trang	Nữ	12/06/2002	Hà Nội
21	TN.101-170	Hà Thủy Trang	Nữ	20/01/2006	Lạng Sơn
22	TN.101-171	Trương Ngọc Trâm	Nữ	20/09/2003	Quảng Ninh
23	TN.101-172	Đinh Ngọc Trâm	Nữ	23/11/2004	Tỉnh Sơn La
24	TN.101-173	Lê Quang Trọng	Nam	11/01/2002	Nghệ An
25	TN.101-174	Nguyễn Bùi Thanh Trúc	Nữ	25/01/2004	Phú Thọ
26	TN.101-175	Hoàng Đức Trung	Nam	29/08/2004	Tuyên Quang
27	TN.101-176	Mai Đức Trung	Nam	16/03/2003	Thái Nguyên
28	TN.101-177	Lê Thị Thu Uyên	Nữ	26/10/2004	Thái Nguyên
29	TN.101-178	Nông Thị Phương Uyên	Nữ	30/03/1999	Thái Nguyên
30	TN.101-179	Trần Thị Thanh Vân	Nữ	29/08/2002	Bắc Ninh
31	TN.101-180	Bùi Thanh Vân	Nữ	06/06/2004	Phú Thọ
32	TN.101-181	Nguyễn Thị Thúy Vân	Nữ	24/08/2004	Ninh Bình
33	TN.101-182	Phạm Văn Vĩnh	Nam	12/05/1997	Thái Nguyên
34	TN.101-183	Giàng Thị Xuân	Nữ	18/08/2004	Sơn La
35	TN.101-184	Lê Thị Yến	Nữ	19/11/1993	Thanh Hoá
36	TN.101-185	Hoàng Hải Yến	Nữ	08/08/2004	Tuyên Quang
37	TN.101-186	Lê Hải Yến	Nữ	25/07/2004	Hà Nội
38	TN.101-187	Lưu Thị Hải Yến	Nữ	16/07/2004	Sơn La

Ấn định danh sách có 38 thí sinh.